

Phát triển đại học địa phương ở Việt Nam theo định hướng ứng dụng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4

Phạm Văn Nam

ThS. Trường Kinh doanh, ĐH Kinh tế TP. HCM (UEH)

Received: 15/10/2024; Accepted: 22/10/2024; Published: 30/10/2024

Abstract: The Fourth Industrial Revolution has had a strong impact on the economic development of developing countries such as Vietnam. In that context, Vietnam's higher education is currently facing enormous challenges in improving the quality of training to gradually catch up with the regional and world levels. This article studies the impacts of the Fourth Industrial Revolution on Vietnam's higher education, identifies the challenges that local universities in Vietnam are facing, thereby proposing policy implications for the sustainable development of local universities in Vietnam in the current international integration.

Keywords: Development, Local universities, Application orientation; Fourth Industrial Revolution.

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 (CMCN4) đang tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của các quốc gia, và ngày càng có những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực đến các nước đang phát triển như Việt Nam. CMCN4 đang phát triển với cấp số nhân, mở ra một thời kỳ tăng trưởng về năng suất lao động, ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của đời sống xã hội trong đó giáo dục đại học đã và đang chịu những áp lực đổi mới để thích ứng với đòi hỏi về một lực lượng lao động mới có chất lượng và kỹ năng ngày càng cao. Xu thế phát triển nhảy vọt của công nghệ kỹ thuật với không gian điều khiển đã và đang tác động mạnh mẽ đến lực lượng lao động trình độ thấp, quá trình tự động hóa từng bước đào thải lực lượng lao động tay chân, nhưng bên cạnh đó lực lượng lao động trình độ cao cũng bị ảnh hưởng nặng nề khi phải đối mặt với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ kỹ thuật. Nền kinh tế với quá trình tự động hóa và tri thức hóa cao đòi hỏi lực lượng lao động bên cạnh kiến thức nền (kiến thức cứng) của ngành nghề phải được trang bị những kỹ năng mềm ở mức độ ứng dụng chuyên sâu, do đó giáo dục đại học cũng cần có những bước chuyển biến mang tính đột phá để đáp ứng những đòi hỏi mới của nền kinh tế tri thức [2].

Hiện tại Việt Nam có 412 trường đại học và cao đẳng với khoảng 2,25 triệu sinh viên trong dân số 95 triệu người. Sự phát triển nhanh chóng số lượng các trường đại học và cao đẳng thời gian qua đã dẫn tới nhiều hệ lụy như chất lượng đào tạo kém, đào tạo không đáp ứng được nhu cầu của xã hội và tình

trạng thất nghiệp của đội ngũ sinh viên tốt nghiệp ngày càng cao. Bài toán nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống các trường đại học Việt Nam trở nên nan giải, đặc biệt các trường đại học địa phương của Việt Nam đang đứng trước những khó khăn cả về phương hướng phát triển lẫn hoạt động giảng dạy đào tạo của mình. Ngày 8/9/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2015/NĐ-CP “Quy định về tiêu chuẩn phân tầng; khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học”, trong đó phân tầng các trường đại học Việt Nam theo 3 hướng: (1) Đại học định hướng nghiên cứu, (2) Đại học định hướng ứng dụng và (3) Đại học định hướng thực hành [1]. Trong các định hướng đó, đại học địa phương của Việt Nam lựa chọn con đường định hướng ứng dụng là khả dĩ và phù hợp.

2. Giáo dục Đại học trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với nền tảng là sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, các lĩnh vực tự động hóa trên cơ sở trí tuệ nhân tạo, các bước đột phá về công nghệ sinh học, công nghệ nano đã tạo ra cuộc cách mạng về sản xuất, tạo ra năng xuất lao động cao. Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ đến giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

Thứ nhất, với tốc độ thay đổi nhanh chóng theo cấp số nhân của công nghệ kỹ thuật, giáo dục đào tạo đại học đang đứng trước những áp lực đổi mới cả về nội dung lẫn phương pháp để đáp ứng với những nhu cầu luôn đổi mới của nền kinh tế. Giáo dục đại học phải mang lại cho người học những kiến thức

nền chắc chắn bên cạnh đó là những kỹ năng sáng tạo và khả năng thích nghi nhanh với những thay đổi với tốc độ cao cả trong hiện tại lẫn tương lai [4]. Lực lượng lao động trình độ thấp lẫn trình độ trung bình và trình độ cao sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 này, cơ cấu lao động thay đổi nhanh chóng, hàng loạt công việc lao động truyền thống sẽ biến mất, những công việc mới lại thay đổi nhanh chóng và đòi hỏi tư duy và kỹ năng sáng tạo cao trong giải quyết công việc.

Thứ hai, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với cốt lõi là công nghệ số đòi hỏi phải có sự ưu tiên trong định hướng đào tạo, cụ thể là các ngành STEM (Science - Khoa học, Technology - Công nghệ, Engineering – Kỹ thuật và Mathematics - Toán học) được đẩy mạnh để tạo ra lực lượng lao động chất lượng cao phục vụ nền kinh tế tri thức hiện tại và tương lai [5]. Xu hướng các nước trên thế giới rất chú trọng phân luồng sinh viên (nhất là sinh viên giỏi) vào học các ngành này. Thực tế Việt Nam những năm gần đây đã cho thấy những sinh viên ưu tú thường có xu hướng chọn học những ngành thuộc khối kinh tế quản lý như tài chính, quản trị, ngân hàng để dễ xin việc trước mắt khi ra trường. Xu hướng này đã làm thiếu hụt lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tri thức với nền tảng công nghệ số của Việt Nam, mặt khác đây cũng là một nguyên nhân làm cho tình trạng thất nghiệp có xu hướng tăng cao của sinh viên tốt nghiệp những năm gần đây.

Thứ ba, có sự chuyển đổi mạnh mẽ từ đào tạo theo “nhu cầu hiện tại của thị trường lao động” sang đào tạo theo “những gì nhu cầu thị trường sẽ cần”, do đó sự kết nối giữa các trường đại học với các doanh nghiệp trong thiết kế chương trình đào tạo là một yêu cầu mang tính khách quan và cần thiết. Sự kết hợp giữa trường đại học và doanh nghiệp cho phép các trường đại học đào tạo sinh viên với những kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường, sự kết hợp này đối với các trường có chương trình đào tạo thuộc các ngành STEM giúp các trường đại học có điều kiện thực hiện các nghiên cứu triển khai (R&D) vào thực tế và các doanh nghiệp hấp thụ được những phát minh cải tiến công nghệ kỹ thuật để gia tăng năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường. Quá trình này kích thích quá trình tự hoàn thiện và nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên, qua đó trình độ đào tạo được nâng cao, sinh viên ra trường có khả năng thực hiện công việc ngay mà không mất quá nhiều thời gian và chi phí cho hoạt động tái đào tạo của các doanh nghiệp.

Thứ tư, với tốc độ thay đổi nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, quá trình đào tạo lực lượng lao động cùng với sự lạc hậu hóa kiến thức và kỹ năng của sinh viên diễn ra rất nhanh. Với đặc tính này của nền kinh tế tri thức buộc các trường đại học phải có những thay đổi đột phá trong triết lý và phương pháp giảng dạy. Thứ nhất, trường đại học phải là nơi tạo dựng và thúc đẩy môi trường “học tập suốt đời” cho người học thông qua việc tạo động lực, thái độ và kỹ năng tự học cho sinh viên trong mọi hoàn cảnh và mọi điều kiện. Thứ hai, nhất thiết phải có sự phân tầng trong các trường đại học, hình thành các trường đại học nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế để trở thành những trung tâm sản xuất tri thức tạo động lực cho phát triển, bên cạnh đó cần hình thành các trường đại học hướng ứng dụng và đại học hướng thực hành để đào tạo lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc gia và địa phương với những kỹ năng giải quyết sáng tạo công việc ở trình độ cao. Có như vậy, hệ thống đại học mới xác định chính xác mục tiêu phát triển trong từng loại hình đại học và từng giai đoạn phát triển, trở thành một lực lượng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững của quốc gia.

3. Những thách thức của các trường đại học địa phương Việt Nam

Trong thời gian qua sự phát triển mạnh mẽ của các trường đại học bằng nhiều con đường như nâng cấp từ các trường trung học chuyên nghiệp và cao đẳng đến việc thành lập mới, đã hình thành một hệ thống các trường đại học địa phương ở Việt Nam. Tuy nhiên sự phát triển mang tính “phong trào” đó đã đặt các trường đại học địa phương Việt Nam trước những khó khăn không hề nhỏ, ngay cả khi các trường đại học địa phương chọn con đường định hướng ứng dụng thì các trường này cũng gặp rất nhiều thách thức trên con đường phát triển của mình.

3.1. Về triết lý phát triển

Đối với một tổ chức sự tồn tại được xác quyết bởi sứ mạng và tầm nhìn của nó. Đối với một trường đại học, vấn đề sứ mạng và tầm nhìn càng trở nên quan trọng và là khung tinh thần cho sự tồn tại và phát triển. Với tầm nhìn và sứ mạng được xác định phù hợp nó tạo ra độ thu hút của các đối tượng hữu quan (giảng viên, người học, doanh nghiệp, thị trường ...) trong quá trình hoạt động và từ đó nó giúp một trường đại học tạo niềm tin của xã hội, từ niềm tin có được sẽ gia tăng khả năng huy động các nguồn lực xã hội cho sự phát triển. Đối với các trường đại học địa phương Việt Nam, khi thành lập theo qui hoạch

tổng thể chung của mạng lưới giáo dục đại học quốc gia đã chưa có sự xác lập sứ mạng và tầm nhìn phù hợp cho từng đại học gắn với đặc thù của địa phương [3]. Các đại học địa phương khi viết tầm nhìn và sứ mạng thường mang tính lý thuyết, thậm chí sao chép nhau và chưa thật sự quan tâm đến việc hình thành tầm nhìn sứ mạng phù hợp. Điều này dẫn tới triết lý phát triển của trường đại học địa phương chưa rõ ràng, định hướng trở thành một đại học nghiên cứu hay đại học ứng dụng, hay trở thành trường đại học thực hành là câu hỏi chưa có câu trả lời thỏa đáng.

3.2. Về chiến lược phát triển

Từ triết lý phát triển chưa được xác định rõ ràng hiển nhiên có tác động tiêu cực đến xây dựng chiến lược phát triển của trường đại học. Các trường đại học địa phương xét về thực tế không thể phát triển theo hướng đại học nghiên cứu vì mục đích thành lập cũng như khả năng nguồn lực (vật chất và tri thức) không thể đáp ứng được. Do vậy các trường đại học địa phương khi xây dựng chiến lược phát triển thường không trả lời được câu hỏi cơ bản của mục tiêu chiến lược là sản xuất tri thức (nghiên cứu) hay áp dụng tri thức (ứng dụng), thậm chí mơ hồ về đào tạo kỹ năng cho sinh viên (thực hành). Do vậy khi xác định mục tiêu phát triển thường các trường xác định nước đôi theo kiểu thuần túy lý thuyết chung chung là kết hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng. Điều này gây mất phương hướng cho các hoạt động tác nghiệp quản lý đại học (tuyển nhân lực, xác định tiêu chuẩn đánh giá ...) và gây khó khăn cho hoạt động đào tạo (thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy, cung cấp kỹ năng mềm...).

3.3. Về động lực phát triển

Khi không thể xây dựng chiến lược phát triển rõ ràng thì xác định mục tiêu chiến lược mang tính dài hạn và các mục tiêu trong từng giai đoạn phát triển còn chưa mang tính hệ thống và tính khả thi, dẫn tới động lực hoạt động của cả hệ thống (xét trong phạm vi từng trường) và của từng cá nhân (giảng viên, nhà quản lý, nhân viên) trong trường đại học chưa rõ. Hoạt động của các trường đại học địa phương vận hành như là một đơn vị chức năng của địa phương mà chưa tạo ra động lực đổi mới và sáng tạo, vốn là yêu cầu sống còn của đại học trong môi trường hội nhập, rất khó khăn thích nghi trước những tác động ngày càng mạnh mẽ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4. Chính vì động lực phát triển chưa rõ nên hoạt động bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo của trường đại học địa phương cũng gặp nhiều khó khăn.

3.4. Về khách hàng và thị trường

Đây là một vấn đề nan giải của các trường đại học địa phương hiện nay. Thực tế đã xuất hiện mâu thuẫn trầm trọng giữa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và phạm vi tuyển sinh của trường đại học. Nếu chỉ tuyển sinh đối tượng sinh viên trong phạm vi địa phương và khu vực lân cận thì nguồn tuyển sinh rất hạn chế và khó bảo đảm chất lượng đầu vào, còn tuyển sinh với phạm vi mở rộng trên cả nước không phân biệt hộ khẩu thường trú của người học thì các trường đại học địa phương sẽ đối mặt với bài toán ngân sách hoạt động do địa phương cung cấp, và do đó không một địa phương nào chấp nhận cung cấp nguồn ngân sách ổn định cho trường đại học mà địa phương mình quản lý để đào tạo nguồn nhân lực không phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ quả của mâu thuẫn này là các trường đại học địa phương thường mở rộng đào tạo theo hướng đa ngành và hạ thấp tiêu chuẩn tuyển sinh để có được nguồn tuyển sinh; kết quả là các ngành mang tính đặc thù của địa phương hay các ngành là thế mạnh của trường bị phân tán cho các ngành đào tạo chạy theo thị hiếu thị trường dẫn tới chất lượng đào tạo không cao, tạo ra nguồn nhân lực dư thừa làm gia tăng tình trạng thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp vốn đã trầm trọng ở Việt Nam.

3.5. Về cấu trúc và nguồn nhân lực của trường đại học

Các trường đại học địa phương khi thành lập đều hướng tới mục tiêu gắn kết với sự phát triển của địa phương, và do đó cấu trúc của trường đại học phải được xây dựng trên nhu cầu và đặc thù phát triển của địa phương, không thể áp dụng máy móc mô hình một trường đại học nào đó (dù đại học đó có sự thành công nhất định). Nhìn lại quá trình thành lập các trường đại học địa phương ta thấy có 2 con đường chính, một là nâng cấp (và sát nhập) từ trường cao đẳng đã có, hai là thành lập mới. Cả 2 con đường này thường không tính đến việc phân tích và xây dựng một cơ cấu tổ chức đại học mang tính phù hợp và hiệu quả mà thường kế thừa từ cấu trúc của một trường cao đẳng hay áp dụng mô hình một trường đại học nào đó dẫn tới cấu trúc đại học mang tính dập khuôn, cơ cấu nặng nề và lạc hậu; khó khăn trong việc áp dụng cấu trúc hiện đại của một trường đại học trong môi trường nền kinh tế tri thức. Hệ quả kéo theo là các trường đại học địa phương phải kế thừa một đội ngũ nhân lực chưa đạt chuẩn chất lượng không cao, hay rất khó khăn trong tuyển dụng nguồn nhân lực đại học (giảng viên, nhân viên và nhà quản lý) đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của mình.

3.6. Về thiết kế chương trình và phương pháp giảng dạy

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của trường đại học, trong đó nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy là hai yếu tố quan trọng. Đối với trường đại học địa phương, khi thiết kế chương trình đào tạo cần có sự liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn và cần nhắc đến mục tiêu phát triển dài hạn của địa phương để có được cấu trúc chương trình và nội dung từng môn học phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển địa phương. Tuy nhiên cách làm này đòi hỏi chi phí và một đội ngũ các nhà khoa học có trình độ và kinh nghiệm, và phải mất một thời gian dài. Để đáp ứng ngay nhu cầu giảng dạy khi thành lập, các trường thường kế thừa chương trình đào tạo tương ứng của các trường đại học nổi tiếng và điều chỉnh cho phù hợp với nguồn lực thực tế của mình. Rõ ràng cách làm này không thể bảo đảm tính đặc thù của đại học địa phương và chương trình thường mang tính sao chép, chắp vá. Thậm chí có những môn học do nhân lực của trường không đáp ứng được nên phải bỏ môn thay bằng môn học khác mà trường có khả năng thực hiện, không hề dựa vào phân tích nhu cầu thực tế từ những người sử dụng lao động và tính khoa học của chương trình đào tạo. Cũng do lực lượng nhân sự chưa có chất lượng tốt nên việc triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực trở nên rất khó khăn, việc áp dụng học chế tín chỉ khó thực hiện đúng theo yêu cầu, do vậy việc giảng dạy vẫn mang tính truyền thống với cách triển khai theo niên chế gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên và bản thân các trường đại học khi muốn rút ngắn thời gian đào tạo theo xu hướng hội nhập ngày nay.

Về tài chính cho các trường đại học, đây là bài toán chưa có lời giải tối ưu cho các trường đại học địa phương hiện nay. Để phát triển một trường đại học thì nguồn lực tài chính phải lớn và mang tính đầu tư dài hạn, không thể phát triển một trường đại học nếu nguồn lực tài chính được cấp phát theo kế hoạch hoạt động hàng năm như các đơn vị hành chính sự nghiệp được. Cần có nguồn ngân sách bền vững cho sự phát triển dài hạn, trong khi đó ngân sách của địa phương còn hạn chế, bản thân các địa phương cũng khó có thể duy trì một nguồn ngân sách mạnh để phát triển các trường đại học khi mà chính bản thân các trường đại học này cũng chưa hoạt động có hiệu quả trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho sự phát triển địa phương, một vòng luẩn quẩn xuất hiện mà chưa có cách thoát ra.

4. Phát triển Đại học địa phương theo hướng ứng dụng

4.1. Xu hướng phát triển các đại học khu vực Châu Á

Từ thập niên những năm 1980, giáo dục đại học ở các nước khu vực châu Á đã có những bước chuyển biến tích cực để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tri thức và những xu hướng này vẫn đang diễn ra nhanh chóng dưới áp lực của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4. Tuy mỗi quốc gia có những đặc thù về thể chế chính trị và mức độ phát triển của nền kinh tế khác nhau, nhưng xu thế chung có thể kể ra là :

Quá trình mở rộng nhanh chóng về số lượng trường đại học và qui mô đào tạo diễn ra liên tục, song song đó là những biện pháp mạnh mẽ nhằm củng cố và nâng cao chất lượng của các trường đại học [4]. Số lượng những trường đại học châu Á được xếp vào nhóm những trường đại học có uy tín và có chất lượng trên thế giới ngày càng tăng. Cùng với xu hướng tăng qui mô này là sự chuyển hướng về mục tiêu đào tạo đại học, chuyển từ một nền giáo dục đại học đào tạo tầng lớp tinh hoa của xã hội sang nền đại học đào tạo lực lượng lao động có chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí. Chuyển từ một nền giáo dục đại học mang tính đặc quyền đặc lợi sang nền giáo dục đại học mang tính dân chủ, bình đẳng và một xã hội học tập suốt đời.

Ngoài chức năng giáo dục đào tạo, các trường đại học đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, đào tạo gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo gắn liền với nhu cầu sử dụng lao động, với tạo việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội. Nền giáo dục đại học chuyển hướng tích cực nhằm thích ứng với sự phát triển công nghệ kỹ thuật của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4, các trường đại học định hướng, thúc đẩy và tạo nhiều ưu tiên cho các ngành học STEM. Hướng mạnh vào các ngành học phục vụ quá trình công nghiệp hóa đất nước, phát triển nhanh chóng các ngành công nghệ mũi nhọn để tăng khả năng cạnh tranh trên phạm vi quốc tế trong môi trường hội nhập diễn ra nhanh chóng.

Quá trình đào tạo ở các trường đại học đang được rút ngắn thời gian với những phương pháp giảng dạy tích cực trên quan điểm “ cá nhân hóa ” và “ tích cực hóa ” bản thân người học. Những phương tiện kỹ thuật hiện đại được sử dụng tối đa nhằm gia tăng khả năng tiếp cận và lĩnh hội tri thức mới đồng thời giảm tối đa chi phí cho người học và cho toàn xã hội, quá trình áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập diễn ra trên phạm vi toàn

cầu, tạo ra những hệ tri thức mở vô tận cho người dạy và người học. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo với một hệ thống giáo dục mềm dẻo, đẩy mạnh quá trình xã hội hóa trong đầu tư giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Một mặt tăng tỉ lệ ngân sách cho giáo dục, mặt khác huy động nhiều nguồn đầu tư cho giáo dục đại học. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học. Tổ chức lại hệ thống các trường đại học phù hợp với quy hoạch phát triển vùng kinh tế và chiến lược phát triển ở các địa phương.

4.2 Các hàm ý chính sách thúc đẩy phát triển Đại học địa phương theo hướng ứng dụng

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế với ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4 mà nền tảng là công nghệ số với mạng toàn cầu và dữ liệu lớn (Big Data), các trường đại học địa phương cần có những đổi mới mang tính đột phá và sáng tạo để vượt qua những thách thức, khai thác tối đa những cơ hội để thích nghi với những thay đổi nhanh chóng của cạnh tranh hiện nay.

4.2.1. Thứ nhất, cần xác định rõ chiến lược phát triển của đại học địa phương là định hướng đại học ứng dụng, gắn liền với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực địa phương và vùng lãnh thổ.

Nhiệm vụ của các trường đại học địa phương là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng và trình độ ứng dụng cao cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [1]. Nhanh chóng xây dựng những chương trình đào tạo phù hợp với sự chuyển dịch ngành nghề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tầm nhìn dài hạn của quốc gia, gắn kết giữa kiến thức nghề nghiệp chuyên môn với kỹ năng sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề.

Nhất thiết phải có sự định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, trong đó đẩy mạnh các ngành nghề STEM thông qua các chính sách phù hợp để thu hút sinh viên giỏi nhằm tạo ra một đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ kỹ thuật để đáp ứng đòi hỏi của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần 4 đang phát triển nhanh chóng hiện nay.

4.2.2. Thứ hai, Thiết kế chương trình đào tạo phải gắn liền với nhu cầu của các doanh nghiệp, của thị trường lao động. Tăng tính thực tiễn của chương trình đào tạo thông qua việc gia tăng dung lượng các học phần do những người hoạt động thực tiễn tham gia giảng dạy, tăng cường thực hành và các hoạt động kiến tập ở những công ty xí nghiệp.

Cần có sự liên kết mang tính thực chất giữa trường đại học với các doanh nghiệp và các cơ quan

quản lý để nhanh chóng giải quyết những vướng mắc trong quá trình đào tạo. Mở rộng khả năng giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp trên cơ sở kết hợp kiến thức chuyên môn được đào tạo tại trường và kỹ năng giải quyết công việc được trải nghiệm ở các doanh nghiệp thực tế.

Những dự án nghiên cứu phát triển của địa phương cần ưu tiên cho các trường đại học của địa phương mình để nâng cao trình độ nghiên cứu ứng dụng và thúc đẩy ứng dụng tri thức vào thực tế. Các trường đại học địa phương cần đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hình thành những trung tâm nghiên cứu chuyên sâu có khả năng triển khai những dự án nghiên cứu ứng dụng cho địa phương, xây dựng những phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế qua đó tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển công nghệ kỹ thuật của khu vực và thế giới.

Động lực phát triển của các đại học địa phương phải gắn liền với động lực phát triển kinh tế - xã hội theo qui hoạch phát triển của địa phương và của các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia.

4.2.3. Ba là, cần có những chính sách phù hợp nhằm thu hút đội ngũ nhân lực đại học có chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia và hợp tác với trường đại học địa phương. Nhanh chóng nâng cao trình độ và chất lượng của đội ngũ nhân lực đại học hiện tại bằng cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các dự án chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng, cần nhanh chóng trang bị cho giảng viên những phương pháp giảng dạy hiện đại, áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực để thúc đẩy tính sáng tạo và khả năng “tự đào tạo” của người sinh viên.

Cần chọn lọc và trang bị những thiết bị công nghệ thông tin hiện đại trong giảng dạy và học tập để gia tăng hiệu suất đào tạo. Các trường đại học địa phương cần nhanh chóng hình thành nguồn học liệu mở và liên kết với các nguồn học liệu mở trong và ngoài nước để tạo ra một mạng lưới tri thức giúp người dạy và người học nhanh chóng tiếp cận với trình độ phát triển khoa học kỹ thuật trên thế giới.

4.2.4. Bốn là, nghiên cứu và áp dụng cơ chế phân quyền cho các trường đại học địa phương nhằm gia tăng tính tự chủ và thúc đẩy tính sáng tạo của các trường đại học trong điều hành hoạt động của mình.

Cần có cơ chế và chính sách giao quyền tự chủ quản lý tài chính cho các trường để tạo điều kiện thực hiện các quyền tự chủ về đào tạo và chọn lựa con đường phát triển. Quyền tự chủ trong quản lý tài chính giúp các trường chủ động và có trách nhiệm hơn trong điều hành trên tinh thần khách quan và minh bạch.

Các trường cần có quyền tự chủ trong xây dựng cơ cấu tổ chức và quản lý nguồn nhân lực của mình. Bộ máy tổ chức phải tinh gọn, phân công công việc rõ ràng và khoa học, phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học.

5. Kết luận

Việc hình thành các trường đại học địa phương Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia, nhưng trên khía cạnh xã hội nó cũng đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên quan điểm “xã hội học tập” và “học tập suốt đời”, đồng thời sự phát triển này cũng phù hợp với xu thế tăng trưởng của giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới trong nền kinh tế hội nhập. Với chức năng nhiệm vụ của mình, các trường đại học địa phương chọn hướng phát triển thành đại học định

hướng ứng dụng là phù hợp và khả thi. Khi địa phương có trường đại học hoạt động có hiệu quả và đào tạo nguồn nhân lực thực sự có chất lượng sẽ là một lợi thế cạnh tranh cho chính địa phương. Ngoài ra, với quyền quản lý của địa phương, sẽ rất thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực xã hội cho sự phát triển trường đại học với mô hình phi lợi nhuận.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nghị định 73/2015/NĐ-CP ngày 8/9/2015 quy định về tiêu chuẩn phân tầng; khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học.
- [2]. Cục Thông tin KH & CN Quốc gia (2016), *Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4*, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Huy Vị (2016), *Những khó khăn gặp phải và thách thức đối với hệ thống các trường Cao đẳng cộng đồng và Đại học địa phương hiện nay*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN : Nghiên cứu Giáo dục, tập 32, số 3 (2016), p 43 – 49.
- [4]. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục Việt Nam và Thế giới*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [5]. Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2016), *Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 : một số đặc trưng, tác động, và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Hà Nội.

Applying AI in Teaching English.....(tiếp theo trang 117)

Overall, the introduction of AI in grammar instruction has proven effective, benefiting both students and teachers alike. The positive feedback underscores AI's role in not only improving grammar proficiency but also in making the learning process more engaging and accessible, helping students achieve a higher standard of writing proficiency and confidence.

3. Conclusion

The application of AI in teaching English grammar is a promising solution for developing writing skills in first-year university students. By providing personalized feedback, instant error correction, and continuous practice opportunities, AI tools empower students to take an active role in their learning and achieve meaningful progress. As modern education continues to evolve, AI's role in personalizing grammar instruction will likely become increasingly important, offering students a pathway to become proficient, confident writers equipped for academic and professional success.

References

- 1.Chukharev-Hudilainen, E. (2019). *Automated writing evaluation for formative assessment of second language learners' grammar: Reliability, validity, and pedagogical implications. Educational Psychology*, 39(4), 479-498.
- 2.Huang, L., & Lin, C.-C. (2021). *The effects of automated writing evaluation on EFL students' English grammar mastery and writing improvement. Language Teaching Research*, 25(2), 187-206.
- 3.Li, J., & Hegelheimer, V. (2013). *Mobile-assisted grammar exercises: Effects on self-editing in L2 writing. Language Learning & Technology*, 17(3), 135-156.
4. Ranalli, J., Link, S., & Chukharev-Hudilainen, E. (2018). *Exploring the potential of process-tracing technology to support the development of L2 writing strategies. Language Learning & Technology*, 22(2), 69-86.
5. Truscott, J., & Hsu, A. Y. P. (2008). *Error correction, revision, and learning. Journal of Second Language Writing*, 17(4), 292-305.